| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 24/4/2024
*V/v : "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trương Phú Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyến

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Ngọc Trinh – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thu Hường - Kiểm Sát Viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số: 127/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-DS ngày 12/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2024/QĐST-DS ngày 04/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà M.

Địa chỉ: số 351/2A2 đường C, Phường B, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông N là đại diện theo giấy ủy quyền ngày 07/3/2023. (Có mặt)

Địa chỉ: 223A đường T, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông H

Địa chỉ cư trú: 585/44 đường N, Phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là ông N trình bày:*

Vào ngày 06 tháng 11 năm 2021, bà M có cho ông H vay số tiền

600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng để mua xe ô tô, thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2021, lãi suất cho vay do hai bên tự thỏa thuận. Khi cho ông H vay số tiền nêu trên bà M và ông H có tới Văn phòng công chứng Nguyễn Lê Nghĩa lập hợp đồng vay tiền số 06850 quyển số 11/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/11/2021. Sau khi ký hợp đồng vay tiền, bà M đã giao và ông H đã nhận đủ số tiền 600.000.000 đồng, đồng thời ông H đã ký bản cam kết thanh toán đủ số tiền vay đúng thời hạn. Tuy nhiên đến thời hạn thanh toán, ông H đã không thanh toán đúng như cam kết và tắt máy không nghe điện thoại của bà M, đồng thời lẩn tránh không gặp bà M. Nay yêu cầu ông H thanh toán cho bà M số tiền gốc là 600.000.000 đồng, và tiền lãi quá hạn theo quy định của pháp luật tính từ ngày 07/01/2022 đến ngày nộp đơn tạm tính là 10.000.000 đồng.

*Bị đơn:* Ông H đã được Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông H vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được lời trình bày của ông H.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn có ông Nđại diện trình bày: đề nghị Toà án buộc ông H trả cho bà M số tiền gốc là 600.000.000 đồng, và tiền lãi quá hạn theo quy định của pháp luật tính từ ngày 07/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/4/2024 là 28 tháng 17 ngày, với lãi suất 10%/năm. Tính tròn 28 tháng, tạm tính là 600.000.000 đồng x 28 tháng x 0.83% = 139.440.000 đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc 600.000.000 đồng, và tiền lãi như nguyên đơn yêu cầu, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Xét nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nội dung tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nên quan hệ tranh chấp trên là tranh chấp về dân sự được qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2]. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 2, Quận 3 thì ông H có hộ khẩu thường trú tại 585/44 đường C, Phường B, Quận C, nhưng không cư ngụ tại địa phương bán nhà từ tháng 01/2022. Hiện cư ngụ tại Tổ 9, KP12, phường C, thành phố T, tỉnh B. Căn cứ biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B thì ông H không có đăng ký hộ khẩu thường trú cũng như sinh sống tại Tổ 9, KP12, phường C, thành phố T, tỉnh B. Xét tại Hợp đồng vay

tiền ngày 06/11/2021 thể hiện bên vay tiền ông H thường trú 585/44 đường C, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời ông H có hộ khẩu tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng hiện nay bỏ đi đâu không rõ. Xét thấy ông H không có nơi cư trú ổn định, thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới, làm cho người khởi kiện không biết được, nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Xét bị đơn ông H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

[2.2] Xét bị đơn ông H đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Liêm vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H là phù hợp theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1]. Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 06/11/2021 có nội dung bên cho vay bà M, bên vay ông H. Bà M đồng ý cho ông H vay số tiền 600.000.000 đồng, mục đích vay: mua xe ô tô, thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay tiền, lãi suất cho vay do các bên tự thỏa thuận.

[3.2] Căn cứ bản cam kết ngày 06/11/2021, ông H xác nhận có vay số tiền 600.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 06/11/2021.

[3.3] Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở xác định ông H có vay tiền của bà M, nhưng đến nay đã hết thời hạn vẫn chưa thanh toán nợ gốc là đã vi phạm thời hạn do các bên thỏa thuận. Vì vậy căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán nợ gốc 600.000.000 đồng cho nguyên đơn, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về tiền lãi: nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lãi từ ngày 07/01/2021 cho đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm. Xét tại nội dung giấy mượn tiền các bên xác định lãi suất thỏa thuận mà không xác định cụ thể về lãi suất thỏa thuận là bao nhiêu. Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất...thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".* Căn cứ trên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật, đồng thời nguyên đơn đề nghị tính tròn 28 tháng là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử

có cơ sở chấp nhận. Buộc bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 07/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/4/2024 là 139.440.000 đồng.

[5] Từ những nhận định nêu trên, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 139.440.000 đồng. Tổng cộng 739.440.000 đồng, thanh toán một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí là 33.577.600 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí 14.200.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Luật thi hành án Dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1.1. Buộc ông H trả cho bà M số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi tính 139.440.000 đồng. Tổng cộng 739.440.000 đồng, thanh toán một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Chấm dứt Hợp đồng vay tiền ngày 06/11/2021, số công chứng 06850 quyển số 11/2021TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 33.577.600 (ba mươi ba triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm) đồng ông H phải chịu. Hoàn lại số tiền 14.200.000 đồng cho bà M theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0007064 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Ông H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Phú Oanh**